

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hồng T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Trường G, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh G chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh G thường xuyên nhậu, không lo lắng cho vợ con. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đến nay khoảng bốn năm. Chị yêu cầu ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có hai người con chung tên Trần Trung K, sinh ngày 13/11/2005 và Trần Lil N, sinh ngày 30/6/2011, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi dưỡng hai con, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị xác định không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Trường G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh G chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh G thường xuyên nhậu, không lo lắng cho vợ con. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đến nay khoảng bốn năm. Đối với anh G không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh G.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu N. Xét thấy, từ khi chị T và anh G ly thân đến nay, cháu K và cháu N sống chung với chị T vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Theo biên bản ghi nguyện vọng con chung hai cháu có nguyện vọng sống chung với chị T. Đối với anh G không có yêu cầu được nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu K và cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83

của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Hồng T, cho chị Trần Hồng T được ly hôn anh Trần Trường G.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trung K, sinh ngày 13/11/2005 và Trần Lil N, sinh ngày 30/6/2011 cho chị Trần Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Trường G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011928 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Hồng T và anh Trần Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng